TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2023/DS-PT
Ngày: 29/8/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Ông Lê Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 705/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Mai Thị Hồng A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp H P 2, xã H M B A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**** Bị đơn*:**

1. Trần Thị Út N, sinh năm 1982

2. Mai Văn N, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp H P 2, xã H M B A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*** Người kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè.

Chị A có mặt tại phiên tòa, chị Út N và anh N vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Mai Thị Hồng A trình bày: Chị là đầu thảo hụi, khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2017 vợ chồng chị Trần Thị Út N và Mai Văn N có tham gia 04 dây hụi do chị tổ chức cụ thể như sau:

Dây 1: Khui ngày 29/4/2014 âm lịch, mức góp hụi 10.000.000 đồng/phần, hụi gồm 16 phần, vợ chồng anh N, chị Út N tham gia 01 phần. Tên trong danh sách hụi là 7 K. Đến kỳ khui hụi thứ 5, vợ chồng anh N, chị Út N trúng thăm hốt được số tiền 107.740.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết.

Dây 2: Khui vào vụ 3 năm 2015 âm lịch, mức góp hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi gồm 16 phần, bị đơn tham gia 01 phần. Tên trong danh sách hụi là 7 K. Đến kỳ khui hụi thứ 11, bị đơn trúng thăm hốt được số tiền 66.650.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết.

Dây 3: Khui vào vụ 3 năm 2015 âm lịch, mức góp hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi gồm 24 phần, bị đơn tham gia 01 phần. Tên trong danh sách hụi là N, ở vị trí số 14. Đến kỳ khui hụi thứ 6, bị đơn trúng thăm hốt được số tiền 78.720.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết.

Dây 4: Khui vào vụ 4 năm 2015 âm lịch, mức góp hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi gồm 26 phần, bị đơn tham gia 01 phần. Tên trong danh sách hụi là N, ở vị trí số 8. Đến kỳ khui hụi thứ 5, bị đơn trúng thăm hốt được số tiền 76.400.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết.

Tổng cộng 04 dây hụi, chị Út N, anh N đã nhận của chị là 329.951.000 đồng. Hiện tại chị A đã tuyên bố ngừng hụi. Không yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi chết chưa đóng mà chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền đã nhận của chị A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Mai Thị Hồng A yêu cầu bị đơn trả cho chị 78.720.000 đồng đối với dây hụi khui vào vụ 3 năm 2015 âm lịch và 76.400.000 đồng đối với dây hụi khui vào vụ 4 năm 2015 âm lịch. Tổng cộng là 155.120.000 đồng. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi khui ngày 29/4/2014 âm lịch và dây hụi khui vào vụ 3 năm 2015 âm lịch.

* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 147, 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về Họ, hụi, biêu phường; Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng A.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Mai Thị Hồng A về việc buộc bị đơn trả cho chị số tiền trong 02 dây hụi khui ngày 29/4/2014 âm lịch và dây hụi khui vào vụ 3 năm 2015 âm lịch.

Buộc chị Trần Thị Út N và anh Mai Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho chị A số tiền 155.120.000 đồng.

Kể từ ngày chị Mai Thị Hồng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Út N, anh N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Út N và anh Mai Văn N phải chịu 7.756.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Mai Thị Hồng A 4.413.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010604 ngày 22/11/2022của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè có quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS, kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện cái Bè, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh N liên đới trả nợ cùng với chị Út N, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến thay đổi, rút một phần kháng nghị, chỉ yêu cầu xem xét anh N không phải liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho chị Hồng A

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Do anh N bị bệnh, hạn chế năng lực hành vi, chị A có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh N trả nợ nên chấp nhập. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm, không buộc anh N liên đới trả nợ cùng với chị Út N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè kháng nghị bản án sơ thẩm ngày 12/6/2023, bản án sơ thẩm được tuyên ngày 27/4/2023, cấp sơ thẩm cần khắc phục về thời hạn phát hành bản án cho phù hợp quy định, để đảm bảo quyền kháng cáo và kháng nghị. Bị đơn được triệu tập

hợp lệ 02 lần tham dự phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không lý do, thực hiện xét xử vắng mặt theo quy định.

Đối với người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm, cụ thể là Hội thẩm nhân dân có sự thay đổi so với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa khác với quyết định phân công thì theo biên bản phiên tòa ngày 27/4/2023, tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa có giới thiệu và giải thích về sự thay đổi Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa; người tham gia tố tụng đồng ý, không có ý kiến gì về sự thay đổi này. Cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm thay đổi bản chất vụ án.

[II]- Nội dung vụ án: Nguyên đơn là chị Mai Thị Hồng A khởi kiện căn cứ vào các dây hụi mà bị đơn là chị Trần Thị Út N có tham gia, cho rằng chị N đã hốt hụi xong nhưng không đóng tiền hụi lại cho các hụi viên nên yêu cầu đòi lại tiền. Ngoài các tài liệu là danh sách hụi viên trong đó có tên chị Út N, tên anh N tham gia các dây hụi, chị A có cung cấp hai tờ biên nhận thể hiện chị Trần Thị Út N có ký tên nhận của chị A số tiền 78.720.000 đồng ngày 26/4/2016 và 76.400.000 đồng ngày 21/02/2017, và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị N và anh N vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là đã từ bỏ quyền lợi, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh đối với yêu cầu của nguyên đơn. Từ đó, yêu cầu của chị A đòi số tiền 155.120.000 đồng là có căn cứ, phù hợp chứng cứ đã chứng minh, được cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời gian kháng cáo, kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè có tiến hành xác minh ngày 12/6/2023 thì được biết anh Mai Văn N bị bệnh tai biến, thường xuyên bỏ nhà đi, không điều chỉnh, nhận thức được hành vi, có dấu hiệu bệnh tâm thần, thuộc trường hợp nhận trợ cấp xã hội. Đây là tình tiết mới, làm căn cứ để Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè kháng nghị bản án sơ thẩm. Xem xét trong thời gian giải quyết xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn là chị A không trình bày về năng lực hành vi của anh N; chị N vắng mặt không có ý kiến, không có quyết định của Tòa án tuyên bố anh N mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Khi khởi kiện chị A không chứng minh là chị N với anh N có còn tồn tại quan hệ vợ chồng, chị N tham gia chơi hụi có dùng số tiền vào nhu cầu thiết yếu của gia đình hay không, biên bản giao nhận tiền chỉ có cá nhân chị N ký tên, biên bản xác minh được biết anh N bị bệnh trong thời gian khoảng 6 năm nay thì anh N không có đầy đủ nhận thức, năng lực để tham gia trong giao dịch chơi hụi của chị N. Do đó, anh N không phải có nghĩa vụ liên đới cùng với chị N trả tiền cho chị A.

Từ những phân tích nêu trên: Xem xét các căn cứ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè cho rằng có vi phạm thủ tục tố tụng về Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa tham gia xét xử không đúng quyết định phân công của Chánh án; xác định năng lực pháp luật tố tụng của anh N là không phù hợp do anh N bị hạn chế năng lực hành vi, có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; quyết định không phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do chị A yêu cầu trả số tiền 155.120.000 đồng, trong khi đối chiếu số tiền hụi chết phải đóng là 195.000.000 đồng (tức là tiền hụi chết nhiều hơn tiền yêu cầu đòi lại), không trừ đi số tiền bị đơn đã đóng. Từ đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Theo các căn cứ kháng nghị, cho thấy cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng về người tiến hành tố tụng; nguyên đơn căn cứ vào danh sách hụi viên và tờ biên nhận nhận tiền của bị đơn, yêu cầu trả tiền là trong phạm vi quyền tự định đoạt và nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh thì nguyên đơn hoặc Tòa án không phải có nghĩa vụ chứng minh thay theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; do có phát sinh tình tiết mới là anh N bị bệnh, anh N có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, chị A không yêu cầu anh N cùng trả nợ nên chỉ sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ liên đới trả nợ, không cần thiết hủy án sơ thẩm như đề nghị kháng nghị của Viện kiểm sát.

[III]- Từ những phân tích đã nêu và tại phiên tòa phúc thẩm chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến thay đổi, rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, yêu cầu anh N không phải liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho chị Hồng A. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và rút một phần, thay đổi kháng nghị, ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, sửa một phần bản án sơ thẩm. Anh N không có trách nhiệm liên đới, chỉ buộc chị Út N có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền hụi là 155.120.000 đồng.

Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về Họ, hụi, biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận rút một phần và thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 27/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng A.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Mai Thị Hồng A về việc buộc bị đơn trả cho chị số tiền trong 02 dây hụi khui ngày 29/4/2014 âm lịch và dây hụi khui vào vụ 3 năm 2015 âm lịch.

Buộc chị Trần Thị Út N có trách nhiệm trả cho chị Mai Thị Hồng A số tiền 155.120.000 đồng.

Kể từ ngày chị Mai Thị Hồng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Út N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Út N phải chịu 7.756.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Mai Thị Hồng A 4.413.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010604 ngày 22/11/2022của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè
- CC THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Giàu